

Số: /BC-VPUB

Sơn La, ngày tháng năm 2021

## BÁO CÁO

### **Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III; Nhiệm vụ trọng tâm quý IV năm 2021**

Thực hiện Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2021. Văn phòng UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III; nhiệm vụ trọng tâm quý IV năm 2021 như sau:

#### **A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO VỀ CCHC**

Trong quý, thành viên Ban chỉ đạo đã chủ động, tích cực, đôn đốc, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao trên tất cả các lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công phụ trách. Trong công tác chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Văn phòng nói chung, công tác cải cách hành chính nói riêng tiếp tục được đổi mới về nội dung, phương pháp, triển khai thực hiện đồng bộ và có nhiều chuyển biến tích cực. Thực hiện Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2021; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 24/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021; Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch phát động thi đua "Đẩy mạnh cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Sơn La"; Báo cáo số 221/BC-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh về báo cáo kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2020 và các văn bản của Sở Nội vụ triển khai về công tác cải cách hành chính. Thành viên Ban chỉ đạo đã chỉ đạo Văn phòng ban hành Kế hoạch số 38/KH-VPUB ngày 21/6/2021 phát động thực hiện phong trào thi đua "Đẩy mạnh cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Sơn La" giai đoạn 2021- 2025; Kế hoạch số 40/KH-VPUB ngày 14/7/2021 về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021; Công văn số 07/VPUB-TCHCQT ngày 21/7/2021 về tham gia ý kiến vào dự thảo hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021; Công văn số 1186/VPUB-TCHCQT về tham gia ý kiến vào dự thảo Báo cáo, Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số SIPAS năm 2021; Công văn số 1162/VPUB-TCHCQT về lập danh sách điều tra xã hội học xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2021; Đồng thời đề ra các

nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Trong quý, đã chỉ đạo Văn phòng thẩm định, tham gia ý kiến vào các dự thảo văn bản của Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản để chỉ đạo về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh như: Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh về ban hành ban hành Quy định về tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch điều tra xã hội học xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2021 các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2021; Công văn số 1880/UBND-KSTTHC ngày 30/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao triển khai khắc phục tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong công tác cải cách hành chính; Công văn số 2888/UBND-KSTTHC ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao Sở Nội vụ tham mưu triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính; Báo cáo số 221/BC-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020; nhiệm vụ giải pháp nâng cao chỉ số CCHC năm 2021. Tham mưu tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm về công tác cải cách hành chính; nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 của Ban chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu với UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Công văn số 1772/UBND-KSTTHC ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ về cung cấp dịch vụ công trực tuyến và cơ chế một cửa tại các Nghị quyết của Chính phủ; Công văn số 945/VPUB-KSTTHC ngày 18/6/2021 về việc rà soát các TTHC không phát sinh hồ sơ thực hiện Công văn số 4013/VPCP-KSTT ngày 16/6/2021 V/v thực hiện nhiệm vụ về cung cấp dịch vụ công trực tuyến và cơ chế một cửa tại các Nghị quyết của Chính phủ.

Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa cấp huyện, thành phố luôn chủ động và tích cực thực hiện công khai, minh bạch thông tin về TTHC và giải quyết TTHC bằng nhiều biện pháp cụ thể, thiết thực trong hoạt động, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong việc tìm hiểu, tra cứu thông tin về TTHC, từ đó việc giải quyết TTHC được thuận lợi, dễ dàng, nhanh chóng và góp phần rút ngắn thời gian, tăng tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng

hạn, trước hạn. Thông tin giải quyết TTHC được cập nhập đầy đủ trên trang <https://hcc.sonla.gov.vn/>

Tổ công tác theo Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ của UBND và Chủ tịch UBND tỉnh giao. Trong quý, Tổ công tác 1169 ban hành các văn bản để triển khai thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao như: Quyết định số 15/QĐ-TCT ngày 25/8/2021 về thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện kết luận, nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đối với huyện Mường La; Quyết định số 15/QĐ-TCT ngày 25/8/2021 về thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện kết luận, nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đối với huyện Thuận Châu. Báo cáo số 14/BC-TCT, 17/BC-TCT của Tổ công tác về thực hiện nhiệm vụ tháng 7, 8 năm 2021. Đồng thời tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND và Chủ tịch UBND tỉnh giao tại sở Lao động, Thương binh và Xã hội, sở Văn hóa Thể thao và Du lịch. Đối với UBND huyện Phù Yên và huyện Bắc Yên do dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp Tổ kiểm tra chưa tiến hành kiểm tra theo kế hoạch.

## **B. CÔNG TÁC CCHC TẠI CƠ QUAN VĂN PHÒNG UBND TỈNH**

### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**

#### **1. Về ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2021**

Ngày 06/01/2021, Văn phòng ban hành Kế hoạch số 01/KH-VPUB về kế hoạch thực hiện cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch số 40/KH-VPUB ngày 14/7/2021 về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 và đề ra các nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

#### **2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

##### *2.1. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính*

Trong quý, Văn phòng đã ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác cải cách hành chính cụ thể như sau: Kế hoạch số 38/KH-VPUB ngày 21/6/2021 phát động thực hiện phong trào thi đua "Đẩy mạnh cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Sơn La" giai đoạn 2021- 2025; Kế hoạch số 40/KH-VPUB ngày 14/7/2021 về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021; Công văn số 07/VPUB-TCHCQT ngày 21/7/2021 về tham gia ý kiến vào dự thảo hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021; Công văn số 1186/VPUB-TCHCQT về tham gia ý kiến vào dự thảo Báo cáo, Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số SIPAS năm 2021; Công văn số 1162/VPUB-TCHCQT về lập danh sách điều tra xã hội học xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2021...và thông báo kết luận các cuộc họp giao ban của Chủ tịch UBND tỉnh với các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; của Chánh Văn phòng với các Phó Chánh Văn phòng, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng.

Văn phòng đã thẩm định, tham gia ý kiến vào các dự thảo văn bản Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản để chỉ đạo về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh như: Quyết

định số 1515/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh về ban hành ban hành Quy định về tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch điều tra xã hội học xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2021 các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2021; Công văn số 1880/UBND-KSTTHC ngày 30/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao triển khai khắc phục tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong công tác cải cách hành chính; Công văn số 2888/UBND-KSTTHC ngày 29/7/2021 Chủ tịch UBND tỉnh về giao Sở Nội vụ tham mưu triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính; Báo cáo số 221/BC-UBND ngày 12/7/2021 kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020; nhiệm vụ giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm 2021.

Tham mưu tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm về công tác cải cách hành chính; nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 của Ban chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh.

### *2.2. Việc tổ chức các hội nghị giao ban công tác cải cách hành chính*

Xác định giao ban là nhiệm vụ quan trọng nhằm đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quy chế làm việc Văn phòng UBND tỉnh, việc chấp hành và tham mưu triển khai các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước. Từ đó chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được phân công của lãnh đạo, công chức, viên chức và định hướng giải quyết các nội dung, công việc tồn đọng, phức tạp, tham mưu kịp thời với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo đạt hiệu quả cao nhất trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực đời sống xã hội.

Thông qua các cuộc họp giao ban giữa Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh với Lãnh đạo Văn phòng, Trưởng, phó phòng và chuyên viên các phòng, ban, đơn vị. Lãnh đạo UBND tỉnh và Lãnh đạo Văn phòng đã chỉ đạo thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao của lãnh đạo, công chức, viên chức các phòng, ban, đơn vị. Kịp thời biểu dương những kết quả đạt được, chấn chỉnh, nhắc nhở, phê bình những nhiệm vụ chưa hoàn thành hoặc chất lượng chưa cao. Trong quý, Văn phòng đã tổ chức 28 cuộc họp giao ban trong đó bao gồm cả giao ban với Lãnh đạo UBND tỉnh và giao ban Lãnh đạo Văn phòng với Lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

### *2.3. Về kiểm tra cải cách hành chính*

Thực hiện Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021, Văn phòng đã ban hành Kế hoạch số 27/KH-V PUB ngày 24/02/2021 kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021. Theo kế hoạch năm 2021, Văn phòng UBND tỉnh sẽ tiến hành kiểm tra tại 03/09 phòng, ban, đơn vị trực thuộc, nội dung kiểm tra: Kiểm tra việc chấp hành Quy chế làm việc của Văn phòng

(*chương trình, kế hoạch công tác của từng phòng, ban, đơn vị*); tiến độ, chất lượng tham mưu giải quyết công việc của các phòng, ban, đơn vị được kiểm tra theo từng nhiệm vụ được giao; kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 18/12/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nêu cao trách nhiệm và chấn chỉnh tác phong của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 23/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ, công chức; Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của công chức, viên chức tại các phòng, ban, đơn vị (*việc thực hiện thời gian làm việc, trang phục làm việc, việc quản lý, sử dụng thẻ cán bộ, công chức, viên chức...*).

Ngày 19/4/2021, Văn phòng đã ban hành Công văn số 562/V PUB-TCHCQT về việc kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021 đối với Trung tâm thông tin; Ban Tiếp công dân tỉnh và Phòng Kiểm soát Thủ tục hành chính. Để đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch đề ra, trong quý Tổ kiểm tra của Văn phòng đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính đối với 03 phòng, ban, đơn vị.

Trên cơ sở nghiên cứu báo cáo tự kiểm tra của các phòng, ban, đơn vị được kiểm tra và tài liệu, hồ sơ có liên quan Tổ Kiểm tra đã đánh giá những ưu điểm, tồn tại, hạn chế và đề nghị Trung tâm thông tin, Ban Tiếp công dân, phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện tốt trong thời gian tới nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính như: Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 18/12/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nêu cao trách nhiệm và chấn chỉnh tác phong của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; thường xuyên quán triệt đầy đủ các văn bản chỉ đạo về công tác cải cách hành chính tới toàn thể viên chức và phóng viên của Trung tâm; Tiếp tục đổi mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc; thực hiện nghiêm túc việc đeo thẻ viên chức trong thực thi nhiệm vụ; sử dụng thời giờ làm việc hiệu quả; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện nhiệm vụ. (1) *Đối với Trung tâm Thông tin*: yêu cầu phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, các phòng ban, đơn vị có liên quan đăng tải các văn bản về cải cách hành chính của tỉnh lên Cổng Thông tin điện tử đảm bảo thời gian theo quy định. (2) *Đối với Ban Tiếp công dân*: Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, các phòng ban, đơn vị liên quan có giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giải quyết đơn thư đảm bảo thông báo kết quả giải quyết đơn thư tới người dân kịp thời, đúng quy định. (3) *Đối với phòng Kiểm soát thủ tục hành chính*: Đề nghị có giải pháp thực hiện tốt việc cập nhật, theo dõi, thống kê TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia đảm bảo cập nhật đúng thời gian quy định. Đồng thời, đề nghị Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính cần có văn bản đề nghị Cục kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ có giải pháp đối với việc gỡ bỏ những TTHC mà địa phương đã bãi, huỷ bỏ hoặc có giải pháp để sửa đổi những TTHC mà địa

phương trong quá trình cập nhật vào cơ sở dữ liệu để xảy ra nhầm lẫn, sai sót để đảm bảo việc niêm yết TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC được chính xác về số lượng, tên gọi, nội dung công bố. Phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các sở, ban, ngành trong việc tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC đảm bảo tính chính xác, đặc biệt về nội dung của TTHC và thời gian giải quyết.

Đồng thời căn cứ vào kết quả kiểm tra tại các phòng, ban, đơn vị Tổ kiểm tra đã ban hành Thông báo kết luận kiểm tra công tác cải cách hành chính đối với Trung tâm thông tin, Ban tiếp công dân và phòng Kiểm soát thủ tục hành chính. Nội dung văn bản yêu cầu các phòng, ban, đơn vị được kiểm tra xây dựng kế hoạch khắc phục các tồn tại, hạn chế tại kết luận và báo cáo Chánh Văn phòng kết quả khắc phục theo thời gian yêu cầu.

**Kết quả:** Tính đến thời điểm báo cáo, số phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng được kiểm tra đạt 100% theo Kế hoạch.

#### *2.4. Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan Văn phòng*

Để công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan Văn phòng được duy trì thuộc triển khai lồng ghép nội dung thi đua, khen thưởng trong các buổi sinh hoạt của phòng, của Chi bộ. Thường xuyên kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công gắn với các nội dung đã đăng ký thi đua từ đầu năm, đảm bảo mọi công việc của mỗi cá nhân đều được thực hiện đầy đủ, hiệu quả theo kế hoạch đề ra. Thường xuyên khuyến khích các cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ để kịp thời động viên, biểu dương, khen thưởng.

Thực hiện Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua "*Đẩy mạnh cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Sơn La*" giai đoạn 2021 - 2025. Văn phòng ban hành Kế hoạch số 38/KH-VPUB ngày 21/6/2021 phát động thực hiện phong trào thi đua "*Đẩy mạnh cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Sơn La*" giai đoạn 2021-2025. Đồng thời triển khai các văn bản hướng dẫn của cấp trên, Văn phòng triển khai và ban hành văn bản hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị xét khen thưởng và đề nghị tặng kỷ niệm chương đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong quý, Văn phòng được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đối với 01 tập thể, 01 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Sơn La năm 2021; 01 cá nhân được tặng Huy hiệu "*Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La*". Hoàn thiện hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đối với tập thể Văn phòng đã có thành tích xuất sắc trong phong trào "*Toàn dân PCCC*".

#### *2.5. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính*

Trong quý, Văn phòng đã triển khai kịp thời các văn bản tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức qua hệ thống quản lý bản của Văn phòng và nhóm zalo

của cơ quan như: Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh về ban hành ban hành Quy định về tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 về ban hành kế hoạch điều tra xã hội học xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2021 các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 18/6/2021 khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2021; Công văn số 1880/UBND-KSTTHC ngày 30/6/2021 về giao triển khai khắc phục tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong công tác cải cách hành chính; Công văn số 2888/UBND-KSTTHC ngày 29/7/2021 về giao Sở Nội vụ tham mưu triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính; Báo cáo số 221/BC-UBND ngày 12/7/2021 kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020; nhiệm vụ giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch số 38/KH-VPUB ngày 21/6/2021 phát động thực hiện phong trào thi đua "Đẩy mạnh cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Sơn La" giai đoạn 2021- 2025; Kế hoạch số 40/KH-VPUB ngày 14/7/2021 về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021; Thông báo kết luận các cuộc họp giao ban của Chủ tịch UBND tỉnh với các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; của Chánh Văn phòng với các Phó Chánh Văn phòng, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng...

Nhằm thực hiện tốt công tác tuyên truyền về cải cách hành chính, Văn phòng đã phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương, địa phương đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền cải cách hành chính. Trong quý, đã chỉ đạo Trung tâm Thông tin đưa 43 tin bài và 37 văn bản về cải cách hành chính lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Đồng thời, thông qua các hội nghị, các cuộc họp, phiên họp của UBND tỉnh cung cấp thông tin về cải cách hành chính để cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh nắm và phối hợp thực hiện; cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh (*74 tin hoạt động*), các thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định trong chỉ đạo điều hành của tỉnh trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh (*741 tin*) trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và trang Thông tin điện tử Văn phòng góp phần phục vụ quá trình quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; tuyên truyền, phổ biến các văn bản QPPL và các văn bản chỉ đạo điều hành của Trung ương (*150 văn bản*), của tỉnh (*81 văn bản*); phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan đơn vị trả lời 50 ý kiến, phản ánh của người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; công khai 09 quyết định công bố thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành.

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kết quả các chỉ số CCHC (PARINDEX), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI); Chỉ số HÀi lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thông qua các tài liệu.

Kết quả cụ thể của các tiêu chí, tiêu chí thành phần của các chỉ số; ý nghĩa, tác động của các chỉ số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Trong quý, có 1.037.721 lượt người truy cập tìm kiếm, tra cứu thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và trang Thông tin điện tử Văn phòng UBND tỉnh.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

*1.1. Công tác tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)*

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Văn phòng đã tham mưu và báo cáo kết quả thẩm tra nội dung các dự thảo văn bản QPPL sau khi các sở, ngành trình phiên họp UBND tỉnh thông qua. Kết quả trong quý, đã phối hợp trình UBND tỉnh ban hành **08** văn bản QPPL.

#### *1.2. Rà soát văn bản QPPL*

Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành thực hiện rà soát, tự kiểm tra văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành theo đúng quy định.

*1.3. Tình hình tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật*

Văn phòng thường xuyên kiểm tra việc tham mưu ban hành văn bản QPPL của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; kịp thời tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố kiểm tra, rà soát văn bản QPPL đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính**

Văn phòng thẩm tra 14 dự thảo quyết định công bố danh mục TTHC các ngành: Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban quản lý các Khu công nghiệp trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố; thẩm tra quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính các ngành: Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường (*08 Quyết định*) trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Tham mưu cho UBND tỉnh tiến hành kiểm tra công tác kiểm soát TTHC tại Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Tham gia Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính của tỉnh kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị theo kế hoạch kiểm tra năm 2021.

*2.1. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công*



Thực hiện nghiêm túc các quy định của Chính phủ, của tỉnh về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

### *2.2. Đối mới phương thức làm việc theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông*

Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 11.512 hồ sơ. Số hồ sơ đã giải quyết 10.494 hồ sơ, chiếm 91.2%. Trả trước hạn 9.645 hồ sơ, chiếm 92% (bao gồm cả hồ sơ từ chối); trả đúng hạn: 847 hồ sơ, chiếm 8.1%; trả quá hạn: 02 hồ sơ chiếm 0.01%. Hồ sơ trả lại 166 hồ sơ. Hồ sơ đang giải quyết (trong hạn) 1.018 hồ sơ, chiếm 8.8%.

Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận 233 hồ sơ, đã giải quyết 223 hồ sơ, chiếm 95.7%; Trả trước 212 hồ sơ, chiếm 95.1%, trả đúng 11 hồ sơ chiếm 4.9%, hồ sơ trả lại 14. Hồ sơ đang giải quyết: 10 hồ sơ, chiếm 4.3%.

## **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

### *3.1. rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan*

Thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-VPCP-BNV ngày 23/10/2015 của Văn phòng Chính phủ - Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh Sơn La.

Cơ cấu tổ chức của Văn phòng hiện tại gồm:

+ Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh gồm: Chánh Văn phòng và 03 Phó Chánh Văn phòng.

+ Các tổ chức hành chính gồm 08 phòng, ban: Phòng Tổng hợp; Phòng Kinh tế; Phòng Nội chính; Phòng Khoa giáo - Văn xã; Phòng Kiểm soát Thủ tục hành chính; Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị; Ban Tiếp công dân tỉnh; Trung tâm Phục vụ Hành chính công. Thực hiện Đề án kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Sơn La thì cơ cấu tổ chức của Văn phòng chỉ còn 7 phòng (*giải thể Ban tiếp Công dân chuyển chức năng, nhiệm vụ tiếp công dân về Thanh tra tỉnh*).

+ Đơn vị sự nghiệp gồm 3 đơn vị: Trung tâm Thông tin; Nhà khách UBND tỉnh; Nhà khách Thanh Xuân - Hà Nội.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 72/QĐ-VPUB ngày 24/7/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng UBND tỉnh Sơn La.

### *3.2. Việc thực hiện phân cấp quản lý*

Văn phòng UBND tỉnh thực hiện nghiêm túc việc phân cấp quản lý theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh về việc ban

hành Quy định phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La và Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La. Nay là Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

### *3.3. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của Văn phòng*

Để nâng cao chất lượng công tác tham mưu, Văn phòng đã xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu. Lãnh đạo Văn phòng thường xuyên đổi mới lề lối làm việc, phương pháp chỉ đạo, đánh giá cán bộ; coi trọng việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, xây dựng phương pháp làm việc khoa học, kỷ luật, kỷ cương và chú ý động lực thúc đẩy, ý chí nỗ lực vươn lên của từng thành viên. Đối với cán bộ, công chức luôn nỗ lực trong công việc, chủ động xây dựng kế hoạch làm việc, tích cực thu thập thông tin, nắm bắt tiến độ giải quyết công việc, luôn theo sát sự chỉ đạo của Thường trực UBND tỉnh trên cơ sở thiết lập tốt mối quan hệ, phối kết hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thành phố. Không ngừng học tập, nghiên cứu, rèn luyện trí nhớ để không quên việc và phải nhắc việc. Đặc biệt, chuyên viên Văn phòng luôn rèn luyện kỹ năng viết, nói sao cho trúng, đúng, sâu, mới và hay, phù hợp với từng yêu cầu, hoàn cảnh; sáng tạo trong phân tích, sử dụng có hiệu quả các thông tin, số liệu nắm bắt được; có tinh thần cầu thị, tìm kiếm và tiếp cận cái mới. Muốn vậy, mỗi chuyên viên cần tận tụy, tâm huyết, trau dồi kiến thức về kinh tế - chính trị - xã hội, sâu sát với thực tế, đi nhiều, nghe nhiều, đọc nhiều, ghi chép nhiều, nghĩ nhiều để tích cực tham mưu giúp lãnh đạo tỉnh có những chỉ đạo, điều hành phù hợp. Ngoài ra, cán bộ, công chức, viên chức Văn phòng cần nâng cao khả năng tổ chức công việc, nhất là tổ chức các hội nghị, các cuộc làm việc của Lãnh đạo UBND tỉnh; giữ bí mật nhà nước, thận trọng trong phát ngôn, tăng cường tính hợp tác, tinh thần đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ nhau trong công việc, khắc phục tình trạng khép kín và chủ nghĩa cá nhân.

Thực hiện Công văn số 2371/UBND-NC ngày 11/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về thanh tra, kiểm tra công tác cán bộ; Công văn số 818/SNV-TTr ngày 16/5/2021 của Sở Nội vụ về việc tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác cán bộ. Ngày 19/8/2021, Văn phòng đã ban hành Quyết định số 57/QĐ-VPUB về việc thành lập Tổ kiểm tra công tác tổ chức cán bộ năm 2021 đối với nhà khách Thanh Xuân- Hà Nội. Nội dung kiểm tra việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý biên chế, hợp đồng lao động; việc thực hiện vị trí việc làm; công tác đào tạo, bồi dưỡng; công tác nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn; công

tác đánh giá xếp loại viên chức, người lao động năm 2020 theo Kế hoạch số 39/KH-VPUB ngày 21/6/2021 của Văn phòng UBND tỉnh. Thời gian kiểm tra dự kiến trong tháng 9 năm 2021.

#### **4. Cải cách công vụ**

*4.1. Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về chức danh, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ.*

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND các huyện, thành phố.

*4.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức*

Văn phòng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức như: Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức ngày 25/11/2019 và Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

*4.3. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức*

Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, có tính chuyên nghiệp, tận tụy phục vụ nhân dân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị là nhân tố quyết định đến sự thành công của công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và thực hiện tinh giản biên chế. Do đó, đội ngũ cán bộ, công chức cần được thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, nâng cao năng lực thực hành, kỹ năng giải quyết các vấn đề mới mà thực tiễn đặt ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức của Văn phòng UBND tỉnh trong những năm qua đã được chú trọng, đổi mới, tạo mọi điều kiện cho CBCC được học tập nâng cao trình độ về mọi mặt...Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng nâng lên nhờ được đào tạo, bồi dưỡng cả về trình độ chuyên môn, kiến thức và kỹ năng, kinh nghiệm công tác và năng lực thực thi công vụ. góp phần tích cực trong việc nâng cao năng lực công tác, chất lượng và hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; hướng tới mục tiêu là tạo được sự thay đổi về chất trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn.

*4.4. Việc thực hiện công tác quản lý công chức, viên chức của Văn phòng*

Năm 2021 biên chế công chức được giao là **57** biên chế; biên chế viên chức được giao là **16**; số lượng người làm việc theo chế độ hợp đồng là **07**; biên chế có mặt đến 15/9/2021: Biên chế công chức là 58/57 (*hiện đang sử dụng 02 biên chế của Ban tiếp công dân đã giao Thanh Tra tỉnh*); biên chế viên chức là 16/16.

*4.5. Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức*

Việc xác định vị trí việc làm giúp người lãnh đạo, quản lý giám sát công việc, bố trí công chức, viên chức và người lao động được thuận lợi và dễ dàng hơn trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị. Việc sử dụng, sắp xếp, bố trí và quản lý công chức, viên chức và người lao động được thực hiện hợp lý, vị trí từng công việc được sắp xếp phù hợp với trình độ, năng lực của công chức, viên chức và người lao động. Đến thời điểm hiện tại cơ bản đáp ứng được tiêu chuẩn, chức danh vị trí việc làm. Một số vị trí việc làm đã và đang được cơ quan tiếp tục quan tâm tạo điều kiện để công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ nhằm hoàn thiện và đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc, nhiệm vụ được giao. Việc sắp xếp nhân sự theo vị trí việc làm không làm biến động số lượng tăng hoặc giảm đảm bảo biên chế và số lượng người làm việc được giao hàng năm của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Danh mục vị trí việc làm của Văn phòng UBND tỉnh đã được tỉnh phê duyệt và căn cứ vào biên chế được giao năm 2021 đã bố trí phù hợp với chức năng nhiệm vụ, cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Cơ cấu công chức tại các vị trí việc làm được phê duyệt của Văn phòng cơ bản đã phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Văn phòng đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-VPUB ngày 12/5/2021 về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm gắn với số lượng người làm việc được giao của Trung tâm Thông tin và báo cáo Sở Nội vụ theo quy định.

#### *4.6. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức*

Việc quản lý công chức, viên chức của Văn phòng được thực hiện thống nhất theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008, Luật Viên chức năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức ngày 25/11/2019 và Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa quản lý biên chế công chức với tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; kết hợp giữa quản lý biên chế công chức với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm của công chức, viên chức. Về cơ bản phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

#### *4.7. Việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và chế độ chính sách đối với công chức, viên chức tại cơ quan Văn phòng.*

Trong quý, Văn phòng đang sử dụng đủ biên chế được giao nên không xây dựng kế hoạch tuyển dụng hoặc tiếp nhận.

Về bổ nhiệm: Văn phòng đã thực hiện quy trình và đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm lại 01 công chức và 01 viên chức lãnh đạo, quản lý (*Trưởng phòng Tổng hợp; Giám đốc Nhà khách UBND tỉnh*).

Văn phòng thực hiện tốt việc khen thưởng kịp thời và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức như: đề nghị nâng lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức; Trong quý, Văn phòng đã đề nghị xét nâng lương thường xuyên đối với 01 cán bộ thuộc tỉnh ủy quản lý và xét nâng lương trước thời hạn cho 10 công chức, viên

chức, nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối và 12 công chức, viên chức thuộc Văn phòng quản lý.

*4.8. Kết quả thực hiện quy định về tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Văn phòng*

Nhìn chung việc thực hiện các quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Văn phòng UBND tỉnh đã được triển khai và thực hiện đầy đủ theo các quy định và văn bản hướng dẫn như chế độ tuyển dụng, điều động, biệt phái, luân chuyển, nâng ngạch; đào tạo, bồi dưỡng; tiền lương, tiền thưởng chi trả đúng đủ, kịp thời theo chế độ hiện hành từ đó đã tạo điều kiện và động viên khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức góp phần ổn định, phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội tại địa phương. Chánh Văn phòng người đứng đầu cơ quan thường xuyên nêu cao trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đảm bảo theo đúng quy định của Trung ương, của tỉnh.

*4.9. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức*

Văn phòng đã xây dựng Kế hoạch số 03/KH-VPUB ngày 07/01/2021 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Văn phòng năm 2021. Trong quý, Văn phòng đã đăng ký lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp sở đối với 06 công chức, viên chức; lãnh đạo cấp phòng đối với 09 công chức và gửi hoàn thiện hồ sơ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị năm 2021 đối với 02 công chức và 01 viên chức theo Công văn số 360-CV/BTCTU ngày 27/5/2021 của Ban Tổ chức tỉnh ủy Sơn La; gửi hồ sơ đăng ký học Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính tại Trường Chính trị tỉnh đối với 02 công chức, viên chức theo công văn của Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh. Ban hành Quyết định cử đi đào tạo Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại Học viện Chính trị Khu vực I đối với 02 công chức; cử 03 công chức tham dự bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính tại Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh.

*4.10. Về đổi mới công tác quản lý công chức, viên chức*

Văn phòng thường xuyên phổ biến, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý cán bộ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ. Trong đó chú trọng các yêu cầu, nội dung, giải pháp về công tác cán bộ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ"; Nghị quyết Trung ương 6, 7 khóa XII; Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị "về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và

nghiên cứu, học tập chuyên đề năm 2021 và các chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng.

Thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch các quy định về quản lý công chức, viên chức trong tất cả các khâu: tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, chuyển ngạch, nâng ngạch và thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức.

#### *4.11. Thực hiện việc xét, cử dự thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh*

Việc xét, cử dự thi nâng ngạch công chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, phù hợp với cơ cấu công chức của cơ quan và thông qua kỳ thi nâng ngạch theo quy định.

*4.12. Về chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính:* Văn phòng thực hiện theo cơ chế của tỉnh.

*4.13. Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của công chức, viên chức*

Hàng tuần, tháng thông qua các phiên họp giao ban giữa Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh với Lãnh đạo Văn phòng, Trưởng, phó phòng và chuyên viên các phòng, ban, đơn vị. Lãnh đạo UBND tỉnh và Lãnh đạo Văn phòng đã chỉ đạo thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao của lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị và công chức, viên chức. Kịp thời biểu dương những kết quả đạt được, chấn chỉnh, nhắc nhở, phê bình những nhiệm vụ chưa hoàn thành hoặc chất lượng chưa cao. Trong quý, Văn phòng đã kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính đối với Trung tâm thông tin, Ban tiếp công dân, phòng Kiểm soát thủ tục hành chính; kiểm tra việc thực hiện công tác dân chủ dân, dân vận đối với phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị. Qua kiểm tra góp phần nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của công chức, viên chức trực thuộc Văn phòng.

*4.14. Việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định của pháp luật, gắn với các nội dung khác của công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo kết quả công việc*

Năm 2020, Văn phòng đã đánh giá, phân loại và công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với 59 cá nhân thuộc Văn phòng quản lý: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 10 cá nhân; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 48 cá nhân; Không hoàn thành nhiệm vụ: 01 cá nhân. Đề nghị cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại đối với 05 cán bộ và 04 công chức thuộc diện tỉnh ủy quản lý.

## **5. Cải cách tài chính công**

*5.1. Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và chính sách an sinh xã hội:* Văn phòng đã thực hiện theo qui định.

*5.2. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:* Văn phòng đã thực hiện theo qui định.

*5.2.1 Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước.*

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên bộ Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ Quy định chế độ tự chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Công tác quản lý tài sản công được thực hiện theo các quy định hiện hành và quy trình ISO 9001: 2008 (*Quy trình quản lý thiết bị*). Thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công đúng quy định. Thực hiện tốt Quyết định số 03/QĐ-VPUB ngày 25/01/2021 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính của Văn phòng UBND tỉnh.

#### 5.2.2 Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Văn phòng

Các đơn vị trực thuộc đang thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Thẩm định phương án tự chủ tài chính của Nhà khách Thanh Xuân và Nhà khách UBND tỉnh, trình Chủ tịch ban hành Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Nhà khách Thanh Xuân và Nhà khách UBND tỉnh.

### 6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên duy trì việc triển khai ứng dụng CNTT vào hoạt động của cơ quan Văn phòng và đạt được những kết quả nhất định, góp phần nâng cao năng lực điều hành và đẩy mạnh việc thực hiện công tác cải cách hành chính. Trong quý, Văn Phòng thực hiện tốt việc gửi, nhận văn bản giữa UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh liên thông với Văn phòng Chính phủ các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan đơn vị ngành dọc cùng tham gia hệ thống. Đặc biệt trên hệ thống Quản lý văn bản điều hành 100% văn bản đi và văn bản đến đều được xử lý trên phần mềm ioffice và được ký số theo quy định (*trừ các văn bản có nội dung mật*) và áp dụng việc gửi, nhận văn bản giữa các cơ quan với các phòng, ban, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc Văn phòng bằng hộp thư điện tử công vụ và hệ thống phần mềm Quản lý điều hành văn bản ioffice. Hệ thống Cơ sở dữ liệu quản lý theo dõi của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trang thông tin điện tử của tỉnh và của Văn phòng hoạt động ổn định thông suốt an toàn và bảo mật. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chỉnh sửa các lỗi, hoàn thiện các yêu cầu kỹ thuật đảm bảo việc kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản trong việc gửi - nhận văn bản điện tử. Tiếp tục triển khai và thực hiện chữ ký số đối với các loại văn bản theo danh mục được quy định tại Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày

25/3/2016 của UBND tỉnh Sơn La; Công văn số 2552/UBND-KGVX ngày 28/7/2018 về áp dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 04/3/2019 về triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La năm 2019; Công văn số 911/UBND-KGVX ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh về danh mục văn bản điện tử không kèm văn bản giấy. Kết quả tính từ 15/6/2021 đến ngày 14/9/2021, Văn phòng UBND tỉnh đã tiếp nhận **13.993** văn bản (*trong đó văn bản mật 234; Đơn thư 134*); ban hành **3.989** văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh.

Hệ thống Hội nghị truyền hình kết nối giữa UBND tỉnh với Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương và UBND các huyện đã nâng cao hiệu quả trong việc chỉ đạo điều hành của tỉnh, hiện đại, nhanh chóng, kịp thời. Kết quả trong quý, đã kết nối thành công **25** cuộc họp với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương **25** cuộc họp trực tuyến giữa UBND tỉnh với UBND các huyện. Qua đó góp phần tích cực phục vụ cải cách hành chính, minh bạch hóa thông tin, tiết kiệm thời gian đối với các nguồn lực.

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ. Để giảm thiểu sử dụng văn bản giấy, thời gian, công sức phô tô tài liệu trong các phiên họp của UBND tỉnh và các cuộc họp của lãnh đạo UBND tỉnh, Văn phòng đã triển khai ứng dụng phòng họp không giấy tại các Hội nghị, phiên họp, cuộc họp tại UBND tỉnh. Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh giao cơ quan có thẩm quyền triển khai thuê dịch vụ phòng họp không giấy (eCabinet); Dự kiến số lượng tài khoản thuê bao gồm: Giám đốc, các phó giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND các huyện, thành phố. Văn phòng UBND tỉnh triển khai dịch vụ phòng họp không giấy từ tại 03 phòng họp UBND tỉnh (218, 708, 910).

Qua triển khai tại phiên họp thứ 2 UBND tỉnh khóa XV đã được lãnh đạo UBND tỉnh, thành viên UBND tỉnh, lãnh đạo các sở, ngành ủng hộ và đánh giá cao.

Văn phòng đã đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh cho phép đầu tư một số trang thiết bị bổ sung các phòng họp để phục vụ phòng họp không giấy.

### III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ IV NĂM 2021

1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến và thực hiện nghiêm túc các văn bản về triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính như: Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định của UBND tỉnh về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa hiện đại tại cơ quan hành chính các cấp; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025; Quyết định số Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2021. Kế hoạch số 24/KH-



UBND ngày 21/01/2021 về nâng cao chỉ số hiệu quả Quản trị và hành chính công năm 2021; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 29/01/2021 tuyên truyền về cải cách hành chính để nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 02/3/2020 triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 03/11/2020 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 23/5/2017 về việc đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ, công chức và các văn bản của cơ quan cấp trên.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành trong công tác cải cách hành chính tại Văn phòng. Thực hiện nghiêm kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đẩy mạnh hoạt động kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ và theo dõi kết quả thực hiện nhiệm vụ; Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ về kết quả triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính đầy đủ, đúng thời gian quy định.

3. Tổ chức kiểm tra theo Kế hoạch của Tổ công tác 1169 đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao.

4. Tăng cường ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính, đẩy mạnh triển khai hợp trực tuyến (*phòng họp không giấy*), sử dụng văn bản điện tử hạn chế sử dụng văn bản giấy trong trao đổi công việc nhằm đảm bảo tiết kiệm và đáp ứng được nhu cầu công việc đặt ra.

5. Chấm điểm việc thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021 của Văn phòng trên hệ thống phần mềm gửi Hội đồng thẩm định đánh giá chỉ số cải cách hành chính của tỉnh theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh trân trọng báo cáo Sở Nội vụ./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT, TCHCQT.Hòa,01bản.

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Nguyễn Huy Anh**

**Phụ lục I****THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI VĂN PHÒNG UBND TỈNH***(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-VPUB ngày 14/9/2021 của Văn phòng UBND tỉnh)*

TT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>			
1	Kế hoạch cải cách hành chính	Nhiệm vụ		
1.2	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	52	
1.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Văn bản	41	
1.4	Số văn bản chỉ đạo cải cách hành chính đã ban hành	Văn bản	17	
2	Tự kiểm tra cải cách hành chính			
2.1	Số cơ quan, đơn vị đề ra trong kế hoạch tự kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	03	
2.2	Số cơ quan, đơn vị đã kiểm tra theo kế hoạch	Cơ quan, đơn vị	03	
2.3	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	03	
2.4	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	04	
3	Tuyên truyền cải cách hành chính		04	
3.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	03	
3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	02	
3.3	Số lượng tin/bài tuyên truyền đã đăng tải trên Cổng/Trang TTĐT	Tin/bài	08/36	
4	Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	3.289	
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	3.284	
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	05	
5	Tổ chức đối thoại tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
<b>II</b>	<b>KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>			
<b>1</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			

1.2	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	08	
1.3	Số VBQPPL thực hiện tự kiểm tra theo thẩm quyền tại cơ quan, đơn vị	Văn bản	01	
1.4	Số vấn đề phát hiện qua tự kiểm tra	Văn bản	0	
1.5	Số vấn đề kiến nghị xử lý qua tự kiểm tra	Văn bản	0	
1.6	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	01	
1.7	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	01	
1.8	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
1.9	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
1.10	Số VBQPPL được tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị	Văn bản	04	
<b>2</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính (Văn phòng UBND tỉnh không có TTHC)</b>			
2.1	<i>Thống kê TTHC</i>			
2.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
2.2.1	Số TTHC đã thực hiện rà soát	Thủ tục		
2.2.2	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
2.2.3	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
2.3	<i>Kết quả triển khai Cổng dịch vụ công của tỉnh</i>			
2.3.1	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục		
2.3.2	Số TTHC mức độ 3 đã cung cấp trên cổng DVC của tỉnh	Thủ tục		
2.3.3	Số TTHC mức độ 4 đã cung cấp trên cổng DVC của tỉnh	Thủ tục		
2.4	<i>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</i>			
2.4.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.4.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.4.3	Số TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	Thủ tục ... = ...%		
2.4.4	Quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	Quy trình = ...%		
2.5	<i>Kết quả giải quyết TTHC</i>			
2.5.1	Hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	... hồ sơ = ...%		

2.5.2	Hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết trễ hạn	... hồ sơ = ...%		
2.5.3	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC được công khai trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	Tổng số văn bản xin lỗi theo quy định/tổng số hồ TTHC trễ hạn		
2.5.4	Số cuộc tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính	Cuộc/người tham gia		
2.5.5	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Không = 0 Có = 1		
2.5.6	Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Không = 0 Có = 1		
<b>3</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
3.1	<i>Cơ cấu tổ chức bộ máy</i>			
3.1.1	Số lượng các cơ quan, đơn vị trực thuộc	Cơ quan, đơn vị		
3.1.2	Số ban quản lý trực thuộc	Cơ quan, đơn vị		
3.1.3	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	03	
3.1.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
3.2	<i>Số liệu về biên chế công chức</i>			
3.2.1	Tổng số biên chế được giao	Người	57	
3.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	59	
3.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, đơn vị	Người	07	
3.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.3	<i>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</i>			
3.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	16	
3.3.2	Tổng số người làm việc có mặt	Người	16	
3.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	

3.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015		%	
<b>4</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
4.1	<i>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</i>			
4.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính trực thuộc đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	28	
4.1.2	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	09	
4.1.3	Số cơ quan, tổ chức trực thuộc có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
4.2	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>			
4.2.1	Số công chức, viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
4.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	01	
4.2.3	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
4.2.4	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
4.3	<i>Số liệu về bổ nhiệm công chức</i>			
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	02 bổ nhiệm lại	
4.4	<i>Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền)</i>			
4.4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
4.4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật	Người	0	
4.4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành bị kỷ luật	Người	0	
4.4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
<b>5</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
5.1	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	02	
5.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
5.3	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
5.4	Số đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời	Cơ quan, đơn vị	0	

	<i>điểm báo cáo)</i>			
5.5	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập đã chuyển đổi thành công ty cổ phần ( <i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>6</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử</b>			
6.1	Cơ quan, đơn vị đã được cấp chứng thư số	01 cơ quan, đơn vị = 100 %		
6.2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	1.251 văn bản		
6.3	Việc kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành			
6.4	<i>Tổng số văn bản đi</i>	Văn bản		
6.4.1	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử ( <i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> ).	50%		
6.4.2	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	50%		
6.5	<i>Sử dụng hòm thư công vụ</i>			
6.5.1	Tổng số đơn vị trực thuộc sử dụng hòm thư công vụ	Số cơ quan, đơn vị/ tổng	01	
6.5.2	Số tài khoản thường xuyên sử dụng hòm thư công vụ	Số tài khoản/ tổng	75/75	
6.6	<i>Dịch vụ công trực tuyến</i>			
6.6.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	0	
6.6.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	0	
6.6.3	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	
6.6.4	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	0	
6.7	<i>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích</i>			
6.7.1	Số TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	TTHC/KQ giải quyết	0	
6.7.2	Số hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
6.7.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	%	0	

**Phụ lục II**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ III/2021**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-VPUB ngày 14/9/2021 của Văn phòng UBND tỉnh)*

STT	Chi tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản		
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	04	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	03	01 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Có = 1		
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	157	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	127	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1.725	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1.372	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	235	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	118	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		STTTT
3.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		STTTT
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	60	
3.3.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		STTTT



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,5%	(hcc.sonla.gov.vn)
3.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		Do chưa đến kỳ báo cáo nên chưa có số liệu thống kê, nội dung này Văn phòng sẽ gửi báo cáo SNV sau ngày 25/9/2021
3.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục		STTTT
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục		STTTT
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục		STTTT
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	trở lên.			
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%		
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC		
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%		

